

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Ninh Bình, ngày tháng 08 năm 2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 154/QĐ-BVMNĐ ngày 08/05/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc ban hành quy trình mua sắm tại Bệnh viện Mắt Nam Định;

Căn cứ Thư mời số 37/TM-BVMNĐ ngày 17 tháng 08 năm 2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc mời thương thảo hợp đồng;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A)

Bên A : BỆNH VIỆN MẮT NAM ĐỊNH (NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN MẮT NAM ĐỊNH)

Địa chỉ: Số 269 đường Phù Nghĩa, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: : 02283 648.534

Mã QHNS: 1046231

Tài khoản: 115002937743

Tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nam Định

Mã số thuế: : 0600142944

Đại diện là ông/bà: Ông **Đặng Xuân Ngọc**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Bên bán (sau đây gọi là Bên B)

Bên B: ____

Địa chỉ: ____

Điện thoại: ____

Fax: ____

E-mail: ____

Tài khoản: ____

Mã ngân hàng: ____

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: ____

Chức vụ: ____

Hai bên thỏa thuận ký kết thương thảo hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa nêu chi tiết tại Phụ lục hợp đồng.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A và Bên B

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

2. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này theo thời gian giao hàng nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 3. Giá hợp đồng, thanh toán, thuế, phí, lệ phí

1. Giá hợp đồng..... đồng

(Bằng chữ:/.).

2. Thanh toán:

a) Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ: Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản nghiệm thu hàng hóa hoặc Biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành...).

b) Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hợp đồng.

Thời hạn thanh toán trong vòng 60 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật bao gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản nghiệm thu hàng hóa hoặc Biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành...)

Bên B được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Việt Nam Đồng.

4. Thuế, phí, lệ phí:

a) Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A;

b) Trường hợp Bên B thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Bên A tạo điều kiện tối đa cho Bên B áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

c) Việc điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian giao hàng: Theo dự trù từng đợt của Bên A, cung cấp chậm nhất là 07 ngày kể từ khi nhận được dự trù (trường hợp đột xuất phục vụ công tác cấp cứu phải cung ứng trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được dự trù)
2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 6. Sửa đổi hợp đồng

1. Bên A có thể yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi dịch vụ liên quan.
- d) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Bên B về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu của Bên A về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Bên B đề xuất và đáp ứng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A để Bên A xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Bên A có thể chấp thuận đề xuất của Bên B với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

Điều 7. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc : Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng, Phiếu báo lô, hạn sử dụng của thuốc.

Bên A phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.

2. Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng:

Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bên A phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bên A quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

3. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:

Giao hàng tại kho thuốc Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định. Vận chuyển theo đúng điều kiện vận chuyển, bảo quản ghi trên nhãn theo nguyên tắc GSP, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy, nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng.

Địa điểm giao thuốc: Tại Kho nhà thuốc - Bệnh viện Mắt Nam Định.

Đóng gói thuốc : Nhà thầu phải giữ nguyên bao bì của nhà sản xuất, đóng gói đảm bảo nguyên vẹn trong quá trình vận chuyển đến nơi giao hàng. Đối với thuốc đóng gói nguyên đai nguyên kiện phải tuân thủ quy định của nhà sản xuất; Đối với thuốc lẻ đóng gói trong bao bì kín có ghi đầy đủ thông tin về tên thuốc, hàm lượng, quy cách đóng gói, số lượng; Đối với thuốc có yêu cầu bảo quản đặc biệt phải tuân

thủ đúng quy định về bảo quản, vận chuyển, thời gian giao nhận;

4. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

a) Bên B phải cung cấp phiếu kiểm nghiệm từng lô thuốc khi giao hàng

b) Việc kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành chỉ áp dụng đối với các thuốc mà Bệnh viện nghi ngờ về chất lượng. Khi đó Bên A sẽ thông báo cho Bên B để cùng nhau giải quyết. Việc kiểm nghiệm lại chất lượng hàng hoá được thực hiện tại Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm- Mỹ phẩm tỉnh Ninh Bình hoặc Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, chi phí kiểm tra và thử nghiệm (nếu có) sẽ do Bên B chi trả..

c) Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm- Mỹ phẩm tỉnh Ninh Bình hoặc Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, chi phí kiểm tra và thử nghiệm (nếu có) sẽ do Bên B chi trả. Theo quy định tại điểm c khoản này, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Bên B hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Bên A không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

d) Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại điểm a khoản này, với điều kiện là Bên A chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

e) Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Bên B phải thông báo cho Bên A về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Bên A tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Bên B phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

f) Bên A có thể yêu cầu Bên B tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo hợp đồng, Bên A xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

g) Bên B phải gửi cho Bên A báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

h) Bên A có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Bên B phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Bên B phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Bên A theo quy định tại điểm d khoản này.

i) Việc Bên B thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Bên A hay đại diện của Bên A tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại điểm g khoản này, không miễn trừ cho Bên B nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Điều 8: Bảo hành

1. Bên B bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. Bên B bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Bên B hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

2. Thời hạn bảo hành là: trong thời gian lưu kho tại bên A

3. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Bên A kịp thời thông báo cho Bên B, kèm theo tài liệu chứng minh. Bên A tạo điều kiện cho Bên B tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

4. Sau khi nhận được thông báo của Bên A về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc Bên B phải kịp thời thay thế hàng hóa sau khi nhận được thông báo của Bên A trong thời gian không quá 05 ngày làm việc.

Bên B cam kết nếu có vấn đề về chất lượng thuốc do lỗi của Bên B sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho người bệnh, bệnh viện và các đối tượng liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời sẽ chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục hư hỏng, khuyết tật, kém chất lượng, hậu quả do phản ứng có hại của thuốc gây ra theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Bất khả kháng

1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

2. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

- Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án tại địa phương của Bên A để giải quyết theo các quy định của Pháp luật. Quyết định của tòa án là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ: 12 tháng kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Thương thảo hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

Thương thảo hợp đồng được lập thành 4 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B

Đặng Xuân Ngọc

PHỤ LỤC KÈM THEO THƯỞNG THẢO HỢP ĐỒNG

(kèm theo thương giá hợp đồng số: ngày tháng năm 2026)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
2														
...														
Tổng cộng														
Bảng chữ:														

NHÀ THẦU

BÊN A